

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN NGỌC TOÀN

2. Ngày tháng năm sinh: 04/12/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Khánh Sơn – huyện Nam Đàn – tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng 406, Chung cư An Lạc, Tổ dân phố 13, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 406, Chung cư An Lạc, Tổ dân phố 13, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 024. 3763-1909 ; Điện thoại di động: 0965.588.408; E-mail: toankyoto@gmail.com.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1998 đến năm 1999: Trợ lý kiểm toán, Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (chi nhánh Hà Nội).

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Từ năm 1999 đến năm 2000: Kế toán viên, Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Steel Việt Nam, Khu công nghiệp Nội Bài, Hà Nội.

Từ năm 2000 đến năm 2017: Giảng viên, Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Từ năm 2017 đến nay: Giảng viên chính, Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng ban Kinh tế học, Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: Nhà A3, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 135 Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.62827113

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 8 năm 1998, ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Ngân hàng.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 9 năm 2004, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế học.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường đại học Ritsumeikan, Kyoto, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 9 năm 2008, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế học.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường đại học Kyoto, Kyoto, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phân tích kinh tế vĩ mô và chính sách kinh tế ở Việt Nam: Hướng nghiên cứu này tập trung vào phân tích chính sách kinh tế như tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách an sinh xã hội. Hướng nghiên cứu này phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong nước hoặc xuất bản thành sách.

- Phân tích định lượng vi mô (applied microeconometrics): Sử dụng các phương pháp phân tích định lượng để phân tích các vấn đề kinh tế vi mô dựa trên các số liệu điều tra, khảo sát vi mô như điều tra doanh nghiệp, hộ gia đình, ... để kiểm định các giả thuyết kinh tế và các qui luật kinh tế. Hướng nghiên cứu này chủ yếu sẽ công bố kết quả nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Anh, hướng tới các tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI - Scopus.

- Phân tích kinh tế quốc tế: Tập trung phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Hướng nghiên cứu này sử dụng chủ yếu phân tích định lượng các vấn đề kinh tế ở khu vực như tăng trưởng kinh tế, chính sách tiền tệ, thương mại quốc tế, hướng tới công bố kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 02 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ;

- Đã hướng dẫn (số lượng): 26 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Số lượng 01 đề tài cấp bộ, 01 đề tài nhánh đề tài cấp Nhà nước, 04 đề tài cấp cơ sở đã bảo vệ thành công;

- Đã công bố (số lượng) 24 bài báo KH, trong đó 04 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 05 cuốn, trong đó 05 cuốn thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không có.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về đạo đức nhà giáo: Tôi luôn giữ gìn đạo đức nhà giáo, trách nhiệm trong công việc, trung thực, khách quan trong đào tạo và nghiên cứu khoa học; hòa đồng với các

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
đồng nghiệp, có tác phong, lời nói, cử chỉ, hành động đúng mực, phù hợp với vai trò người giảng viên. Tôi chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, cũng như nội qui của đơn vị công tác, tham gia tích cực các hoạt động và thực hiện tốt các qui định ở nơi cư trú.

Về năng lực, trình độ: Tôi tự đánh giá có kiến thức chuyên môn, năng lực và trình độ phù hợp với vị trí giảng viên tại Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tôi tốt nghiệp khoa ngân hàng, Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, sau đó học cao học tại Trường đại học Ritsumeikan, Nhật Bản và nghiên cứu sinh tại Đại học Kyoto, Nhật Bản. Tôi đọc tốt, viết tốt, có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh, đã dịch nhiều cuốn sách kinh tế từ tiếng Anh sang tiếng Việt, chẳng hạn như bộ sách của Michael Porter. Tôi có kiến thức tốt về kinh tế học, kinh tế lượng, sử dụng được các phần mềm định lượng như Stata, Eviews, Matlab, R phục vụ cho nghiên cứu, phân tích số liệu. Tôi cũng đã được đào tạo về phương pháp giảng dạy hiện đại.

Về nhiệm vụ giảng dạy: Tôi tham gia giảng dạy nhiều môn học cho các lớp cao cấp lý luận chính trị, cao học và nghiên cứu sinh quản lý kinh tế và kinh tế phát triển. Hàng năm, tôi đều vượt số giờ giảng trực tiếp trên lớp và giờ giảng qui đổi theo tiêu chuẩn giảng viên, nhiều năm đạt danh hiệu lao động tiên tiến và một số năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở. Cụ thể, hiện nay tôi đang giảng dạy chính các môn học sau:

- Kinh tế vi mô nâng cao dành cho cao học Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển của Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Kinh tế vĩ mô nâng cao dành cho cao học Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển của Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Kinh tế lượng dành cho cao học Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển của Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành quản lý kinh tế dành cho cao học Quản lý kinh tế của Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Mô hình định lượng trong nghiên cứu kinh tế dành cho nghiên cứu sinh Quản lý kinh tế của Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Quản lý kinh tế dành cho chương trình cao cấp lý luận chính trị và cử nhân chính trị của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Về nhiệm vụ xây dựng và phát triển chương trình đào tạo: Tôi là tác giả biên soạn 3 giáo trình gồm Kinh tế vi mô nâng cao, Kinh tế lượng và Mô hình tăng trưởng kinh tế (lưu hành nội bộ) phục vụ cho đào tạo cao học Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển tại Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; tham gia biên soạn giáo trình Quản lý kinh tế cho chương trình cao cấp lý luận chính trị. Đồng thời, với tư cách là thành viên Hội đồng khoa học của Viện Kinh tế, tôi tham gia thiết kế, thẩm định, đánh giá chương trình, giáo trình dành cho cao cấp lý luận chính trị, cao học và nghiên cứu sinh của Viện Kinh tế.

Về hướng dẫn luận văn, luận án: Tôi đã hướng dẫn và đồng hướng dẫn 02 nghiên cứu sinh và 26 học viên cao học Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển đã bảo vệ thành công luận văn, luận án tốt nghiệp và được cấp bằng.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Về nghiên cứu khoa học: Tôi đã chủ nhiệm 6 đề tài khoa học, trong đó có 01 đề tài cấp bộ, 01 đề tài nhánh của đề tài cấp Nhà nước, 04 đề tài cấp cơ sở. Ngoài ra, tôi tham gia nhiều đề tài cấp nhà nước và cấp bộ khác với tư cách thành viên nghiên cứu hoặc thư ký khoa học. Tôi đã xuất bản 24 bài báo, hầu hết là tác giả duy nhất, trong đó có 04 bài đăng trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI và Scopus (Q2 và Q3), 05 bài báo bằng tiếng Anh trên tạp chí quốc tế khác và 01 bài hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh có xuất bản thành sách có mã số ISBN.

Ngoài ra, tôi có nhiều nghiên cứu đồng tác giả bằng tiếng Anh gửi tham gia các hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài, nhưng các hội thảo này không xuất bản kỷ yếu toàn văn thành sách.

Đánh giá chung, tôi tự nhận thấy mình luôn giữ vững phẩm chất nhà giáo, có năng lực chuyên môn đáp ứng được nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, có số giờ giảng dạy hàng năm vượt tiêu chuẩn nhà giáo, tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với giảng viên. Tôi luôn cố gắng truyền đạt những kiến thức mới cho học viên theo hướng hội nhập với đào tạo và nghiên cứu khoa học trên thế giới.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 10 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2010-2011					0	230	230/288/280
2	2011-2012					0	460	460/552/280
3	2012-2013					0	335	335/402/280
4	2013-2014					0	275	275/330/280
5	2014-2015			4		120	250	370/429/280
6	2015-2016			6		150	465	615/708/216
7	2016-2017			5		255	475	730/825//216
3 năm học cuối								
8	2017-2018			5		50	260	310/362//216
9	2018-2019		1	2		345	210	555/609/270
10	2019-2020	1		4		250	300	550/610/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
 - Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo
 Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS ; tại nước: Nhật Bản năm 2004 (thời gian học: 2002-2004)
- Bảo vệ luận án TS ; tại nước: Nhật Bản năm 2008 (thời gian nghiên cứu sinh: 2005-2008)

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội, số bằng: B104512; năm cấp: 1998.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Anh văn

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đỗ Minh Tuấn	NCS		Chính		10/2016 – 5/2019	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	31/12/2019
2	Nguyễn Hoài Nam	NCS			Phụ	8/2016- 12/2018	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	10/5/2019
3	Lê Tuấn Điệp		HVCH	Chính		28/6/2019	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	22/4/2020
4	Nguyễn Thành Hưng		HVCH	Chính		27/3/2019 – 26/8/2019	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	31/12/2019
5	Trần Văn Lâm		HVCH	Chính		27/3/2019 - 26/8/2019	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	31/12/2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

6	Phạm Mạnh Trương		HVCH	Chính		27/3/2019 – 28/8/2019	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	31/12/2019
7	Nguyễn Thùy Linh		HVCH	Chính		8/2018- 12/2018	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	10/5/2019
8	Nguyễn Thị Quỳnh Nga		HVCH	Chính		9/2018- 11/2018	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	17/12/2018
9	Lê Thị Xuân Huyền		HVCH	Chính		1/2018- 3/2018	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	22/5/2018
10	Vũ Thị Nam		HVCH	Chính		8/2017- 12/2017	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	5/6/2018
11	Nguyễn Thị Hoài Thu		HVCH	Chính		8/2017- 12/2017	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	5/6/2018
12	Nguyễn Hữu Bình		HVCH	Chính		9/2/2017 - 6/2017	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	5/6/2018
13	Trần Thị Huyền Mi		HVCH	Chính		2/2017 - 6/2017	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	22/11/2017
14	Nguyễn Thị Thắm		HVCH	Chính		4/7/2016 – 12/2016	Học viện KHXH, Viện hàn lâm KHXH VN	31/5/2017
15	Đào Thị Thu Hà		HVCH	Chính		30/6/2016 – 20/1/2017	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	13/4/2017
16	Hoàng Thị Thanh Thủy		HVCH	Chính		9/9/2016- 12/2016	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	13/4/2017
17	Nguyễn Thanh Hoa		HVCH	Chính		4/4/2016- 10/2016	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	30/11/2016

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

18	Hoàng Ngọc Anh		HVCH	Chính		4/4/2016-10/2016	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	30/11/2016
19	Lê Thị Thanh Thủy		HVCH	Chính		7/2015-12/2015	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	29/3/2016
20	Trần Thị Kim Hoa		HVCH	Chính		7/2015-12/2015	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	29/3/2016
21	Dương Đăng Hòa		HVCH	Chính		31/8/2015-12/2015	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	29/3/2016
22	Nguyễn Thị Thu Hà		HVCH	Chính		31/7/2015 – 11/2015	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	29/3/2016
23	Tạ Thị Hải Vân		HVCH	Chính		8/2015-12/2015	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	29/3/2016
24	Trương Thị Hồng Thắm		HVCH	Chính		1/2015-6/2015	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	17/11/2015
25	Đỗ Huy Hoàng		HVCH	Chính		4/8/2014 - 11/2014	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	18/3/2015
26	Phạm Anh Tuấn		HVCH	Chính		4/8/2014 – 11/2014	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	18/3/2015
27	Lê Thu Hiền		HVCH	Chính		30/10/2014 – 4/2015	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	18/3/2015
28	Nguyễn Đình Thắng		HVCH	Chính		30/10/2014 – 5/2015	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	18/3/2015

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Một số chuyên đề kinh tế vi mô nâng cao	TK	Nxb Lý luận chính trị, 2020	01	Tác giả	Biên soạn toàn bộ	06-QĐ/VKT
2	Quản lý kinh tế	GT	Nxb Lý luận chính trị, 2018	09	Tham gia viết Bài 2 (Mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô)	Tiết 2.2 (từ trang 55-62) và Tiết 2.4 (trang 66 – 70)	06-QĐ/VKT
3	Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ	CK	Nhà xuất bản khoa học xã hội, 2020	10	Tham gia	Biên soạn phần nội dung về thực trạng nhận thức, cơ chế, chính sách, hành động và dự báo xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ	06-QĐ/VKT
4	Tái cấu trúc kinh tế Việt nam – Nhìn từ cơ cấu ngành và cơ cấu thành phần kinh tế	CK	Nxb Chính trị Quốc gia, 2013	04	Đồng chủ biên và tác giả chính	Viết chính toàn bộ các chương	06-QĐ/VKT
5	Chất lượng tăng trưởng kinh tế Đồng Nai	CK	Nxb Chính trị Quốc gia, 2011	04	Đồng tác giả	Viết chính toàn bộ các chương	06-QĐ/VKT

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 05 giáo trình và sách.

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ: Không có					
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
1	ĐT: Tổng quan về các phương pháp nghiên cứu và ứng dụng trong nghiên cứu kinh tế	CN	Cấp cơ sở	01/2018 – 12/2018	Nghiệm thu ngày 18/12/2018, xếp loại Khá
2	ĐT: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ứng phó với biến đổi khí hậu ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ - Thực trạng nhận thức, cơ chế, chính sách, hành động và dự báo xu hướng chuyển dịch”,	CN	Đề tài nhánh đề tài khoa học cấp nhà nước (BĐKH-56)	01/2014-12/2015	Nghiệm thu ngày 30/12/2015, xếp loại Đạt
3	ĐT: Tái cơ cấu ngành chăn nuôi Việt Nam trước thách thức của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP	CN	Cấp cơ sở	01/01/2015-31/12/2015	Nghiệm thu ngày 22/12/2015, xếp loại Đạt

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

4	ĐT: Kiểm soát giá các mặt hàng có tính độc quyền cao ở Việt Nam	CN	Cấp cơ sở	01/01/2014-31/12/2014	Nghiệm thu ngày 15/12/2014, xếp loại Khá
5	ĐT: Tái cấu trúc kinh tế : Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt nam	CN	Cấp cơ sở	01/01/2012 – 31/12/2012	Nghiệm thu ngày 30/11/2012, xếp loại Khá
6	ĐT: Đánh giá chính sách chống suy thoái kinh tế của chính phủ Việt nam	CN	Cấp bộ	01/01/2010 – 31/12/2010	Nghiệm thu ngày 15/12/2010, xếp loại Xuất sắc

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ: Không có								
Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ: từ 9/2008 đến 30/6/2020								
1	An analysis of East Asian currency area: Bayesian dynamic factor model approach	01	Có	International Review of Applied Economics, Print ISSN: 0269-2171; Online ISSN: 1465-3486	Tạp chí quốc tế uy tín: Scopus (Q2)		Volume 24, Issue 1, Trang 103-117	2010
2	Bàn về cơ chế kiểm soát giá điện	01	Có	Tạp chí Kinh tế và Quản lý, ISSN: 1859-4565			Số 14 (5-2015),	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

							Trang 21-24	
3	Giải Nobel kinh tế 2015 – Những đóng góp quan trọng của Angus Deaton	01	Có	Tạp chí Kinh tế và Quản lý, ISSN: 1859-4565			Số 19 (9-2016), 60-68	2016
4	Ngành chăn nuôi Việt Nam trước những thách thức hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN	01	Có	Cộng đồng kinh tế ASEAN AEC – Cơ hội, thách thức và giải pháp, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia: Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC): Cơ hội, thách thức và giải pháp, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội – 2016. ISBN: 978-604-901-702-5			Trang 293-304	2016
5	Quan điểm của đại hội Đảng lần thứ XII về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	01	Có	Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia: Văn kiện đại hội XII của Đảng – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Lý luận chính trị - 2016, ISBN: 978-604-901-716-2			Trang 339-344	2016
6	Tăng trưởng kinh tế 2016 – 2017 và giải pháp thực hiện mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2016-2020	01	Có	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 0866-7120			Số 25 (9/2017), Trang 15-18	2017
7	Nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi trước thách thức hội nhập	01	Có	Tạp chí Kinh tế và Quản lý, ISSN: 1859-4565			Số 23 (9/2017), Trang 44-48	2017
8	Đo lường co dãn của cầu thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam bằng mô hình hệ thống cầu LA/AIDS	01	Có	Tạp chí Khoa học thương mại, ISSN: 1859-3666			Số 119 (7/2018), Trang 14-27	2018
9	Giải pháp xây dựng hệ thống bảo hiểm	01	Có	Tạp chí Bảo hiểm xã hội, ISSN: 1859-2562			Kỳ 2, tháng 11, 2018,	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	xã hội đa tầng, bền vững ở Việt Nam						Trang 3-4	
10	Đặc điểm hộ nghèo ở Việt Nam: Phân tích mô hình Logit với số liệu điều tra mức sống dân cư VHLSS 2016	01	Có	Tạp chí Kinh tế và Quản lý, ISSN: 1859-4565			Số 28 (12 - 2018), Trang 33-38	2018
11	An Investigation of poverty dynamics among ethnic minorities in Vietnam	01	Có	International Journal of Economics, Commerce and Management, ISSN: 2348-0386	Tạp chí quốc tế khác		Volume 7, Issue 1, Trang 216-224	2019
12	Xây dựng văn hóa BHXH, BHYT: Bắt đầu từ thế hệ trẻ	01	Có	Tạp chí Bảo hiểm xã hội, ISSN 1859-2562			Số 375 (Kỳ 1 tháng 8/2019), Trang 16-18	2019
13	Mở rộng bao phủ an sinh xã hội: Thực trạng và giải pháp	01	Có	Tạp chí Bảo hiểm xã hội, ISSN 1859-2562			Số 376 (Kỳ 2, tháng 8/2019), Trang 21-23	2019
14	Khuyến nghị phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện với lao động phi chính thức	03	Không	Tạp chí Bảo hiểm xã hội, ISSN 1859-2562			Số 382 (Kỳ 2, tháng 11/2019), Trang 25-26	2019
15	Public Expenditure on Social Protection in Vietnam: A Review	01	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: International Finance and Accounting Research Conference: Finance and Accounting in the Fourth Industrial Revolution, International Conference 2019. Financial Publishing	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế		Trang 671 -676	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

				House, Hanoi 2019 ISBN: 978-604-79-2279-6				
16	The Determinants of an Econometric Demand Model for Beverages	01	Có	International Journal of Economics and Business Administration, (ISSN: 2241-4754	Tạp chí quốc tế uy tín: Scopus (Q3)		Volume 8, Issue 1, Trang 309-316	2020
17	An Extreme Bound Analysis on the Determinants of Business Cycle Synchronization in East Asia	01	Có	International Journal of Economics, Commerce and Management, ISSN: 2348-0386	Tạp chí quốc tế khác		Volume 8, Issue 3, Trang 31-50	2020
18	Convergence or Divergence: A Fuzzy Clustering Analysis of Southeast Asian Economic Synchronization	01	Có	International Journal of Social Science and Economic Research, ISSN 2455-8834	Tạp chí quốc tế khác		Volume 5, Issue 3, Trang 701-712	2020
19	Thách thức kinh tế của đại dịch Covid-19 và giải pháp ứng phó của Việt Nam	01	Có	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 0866-7120			Số 11 (tháng 4/2020), Trang 17-22	2020
20	Xu hướng thương mại nội ngành giữa Việt Nam với các nước ASEAN và gợi ý chính sách đối với Việt Nam	01	Có	Tạp chí kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, ISSN: 0868-3808			Số 563, (tháng 4/2020), Trang 43-45	2020
21	Does Bribery Sand the Wheels? New Evidence from Small and Medium Firms in Vietnam	01	Có	Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB), Print ISSN: 2288-4637; Online ISSN: 2288-4645	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI (ESCI), Scopus (Q3)		Volume 7 Issue 4, Trang 309-316	2020
22	Efficiency of Smallholder Chicken Farms in Northwestern	01	Có	American International Journal of Business Management, ISSN: 2379-106X	Tạp chí quốc tế khác		Volume 3, Issue 5, Trang 45-49	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	Vietnam: A Data Envelopment Analysis						
23	The Effect of Bribery on Firm Innovation: An Analysis of Small and Medium Firms in Vietnam	01	Có	Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB), Print ISSN: 2288-4637; Online ISSN: 2288-4645	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI (ESCI), Scopus (Q3)	Volume 7 Issue 5, Trang 259-268	2020
24	Does Corruption Hinder or Boost Firm Investment? A Vietnamese Perspective	01	Có	American International Journal of Business Management, ISSN: 2379-106X	Tạp chí quốc tế khác	Volume 3, Issue 6, Trang 67-71	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **04 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín ISI và Scopus.**

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

.....

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

.....

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:
.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo cao học và nghiên cứu sinh Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển của Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Biên soạn giáo trình 3 môn học cho cao học Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển, bao gồm: Giáo trình Kinh tế vi mô nâng cao, Giáo trình Kinh tế lượng, Giáo trình Mô hình tăng trưởng kinh tế (chưa xuất bản chính thức).

- Tham gia xây dựng và viết một phần nội dung Chương trình và giáo trình Quản lý kinh tế dành cho hệ cao cấp lý luận chính trị (Nhà xuất bản lý luận Chính trị, Hà Nội - 2018).

- Thiết kế nội dung môn học Mô hình định lượng trong nghiên cứu kinh tế dành cho đào tạo nghiên cứu sinh chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Tham gia góp ý, thẩm định nội dung chương trình, giáo trình phục vụ đào tạo khác của Viện kinh tế với tư cách thành viên Hội đồng khoa học của Viện Kinh tế.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không có.

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):
.....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):
.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
.....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
.....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....
c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

.....
+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

.....
(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ngọc Toàn

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN